

Nội dung 1. Văn minh Đại Việt

1. Khái niệm Văn minh Đại Việt:

- Văn minh Đại Việt là nền văn minh rực rỡ, tồn tại và phát triển chủ yếu trong thời kì độc lập, tự chủ kéo dài từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

2. Cơ sở hình thành nền Văn minh Đại Việt: Văn minh Đại Việt được hình thành trên **3 cơ sở** cơ bản:

- Kế thừa những thành tựu chủ yếu của Văn minh Văn Lang-Âu Lạc.
- Hình thành và phát triển trên cơ sở xây dựng và phát triển quốc gia Đại Việt
- Ảnh hưởng nhiều giá trị của văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Champa...

3. Quá trình phát triển của Văn minh Đại Việt: Văn minh Đại Việt phát triển qua **3 giai đoạn**:

- *Giai đoạn từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XI*: định hình những giá trị mới, làm nền tảng cho sự hình thành nền Văn minh Đại Việt về sau.
- *Giai đoạn từ đầu thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XVI*: gắn liền với văn hóa Thăng Long, đạt được những thành tựu to lớn; tạo ra những giá trị mang đậm tính dân tộc...
- *Giai đoạn từ đầu thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX*: du nhập văn minh phương Tây, tạo nên xu hướng mới làm tiền đề cho sự hình thành Văn minh Việt Nam về sau.

4. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Đại Việt

a. Tư tưởng, tôn giáo:

- * **Tư tưởng yêu nước thương dân**: phát triển theo hai xu hướng: dân tộc và thân dân. **Dân tộc**- đề cao trung quân ái quốc, đoàn kết các dân tộc. **Thân dân**- gần dân, yêu dân.
- * **Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và tổ tiên**: tiếp tục phát triển qua việc xây lăng miếu, đền đài..tạo nên tinh thần cởi mở hòa đồng tôn giáo, tín ngưỡng người Việt.
- * **Phật giáo**: phát triển mạnh và trở thành **quốc giáo thời Lý -Trần**. Từ thế kỉ XV, Phật giáo mất vai trò quốc giáo nhưng vẫn phát triển mạnh mẽ, đồng hành cùng dân tộc.
- * **Nho giáo**: từ thế kỉ XV, Nho giáo giữ **địa vị độc tôn**, là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị, góp phần to lớn trong việc đào tạo đội ngũ trí thức, hiền tài cho đất nước.
- * **Đạo giáo**: phổ biến trong dân gian, hòa lẫn vào các tín ngưỡng của dân tộc.

b. Giáo dục, chữ viết, sử học

- * **Giáo dục**: Năm 1075, nhà Lý mở khoa thi đầu tiên; thời nhà Trần lập Quốc học viện; thời Lê Sơ giáo dục và thi cử ngày càng quy củ...
- * **Chữ viết**: các triều đại tiếp thu chữ Hán, về sau tạo ra chữ Nôm; đến thế kỷ XVII chữ quốc ngữ ra đời và hoàn thiện như ngày nay.
- * **Sử học**: thành lập cơ quan chuyên trách biên soạn lịch sử (Quốc sử viện, Quốc sử quán). Nhiều bộ sử đồ sộ được biên soạn như: Đại Việt sử kí, Đại Việt sử kí toàn thư, Đại Nam thực lục...

Nội dung 2. Cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

1. Thành phần dân tộc theo dân số

- Việt Nam hiện có 54 dân tộc, phân bố trên cả 3 miền Bắc-Trung-Nam.
- Dân tộc Kinh (Việt) có số lượng đông dân (dân tộc đa số) chiếm 85,3% dân số cả nước.
- Các dân tộc còn lại (dân tộc thiểu số) chiếm 15,7% dân số với nhiều nhóm nhỏ.

2. Đời sống vật chất các dân tộc

- * **Hoạt động sản xuất**: Do địa hình, điều kiện tự nhiên khác biệt nên sản xuất của các dân tộc cũng khác nhau. Họ thường kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, sản xuất thủ công và buôn bán.
- * **Ẩm thực**: rất phong phú: lương thực chính là lúa, ngô kết hợp với thịt, rau, cá. Uống rượu cần, rượu gạo, rượu nếp...
- * **Trang phục**: đa dạng về kiểu dáng, màu sắc, hình thức, hoa văn trang trí.
- * **Ở**: nhà ở đa dạng về loại hình (nhà sàn, nhà nền đất, nhà tường...), vật liệu chủ yếu là gỗ, đá, ngói, tre, đất sét...

3. Đời sống tinh thần các dân tộc

* **Tín ngưỡng, tôn giáo:** chủ yếu là tín ngưỡng dân gian (thờ cúng trời, đất, các vị thần linh, tổ tiên, các anh hùng...) và theo các tôn giáo lớn như Phật giáo (Việt, Hoa, Khmer...); Công giáo, Tin lành (Việt, một số dân tộc ở Tây Nguyên...), Hồi giáo (Chăm...)

* **Phong tục, tập quán, lễ hội:** thường gắn liền với đời người (sinh đẻ, cưới hỏi, ma chay...) hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp (xuống đồng, cày mướn...). Lễ hội đóng một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần các dân tộc. Thông qua lễ hội, bản sắc văn hóa các dân tộc được giữ gìn và lưu truyền qua các thế hệ...

Nội dung 3. Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

1. Cơ sở hình thành khối đại đoàn kết

- Khối đại đoàn kết dân tộc được **hình thành từ 2 cơ sở:**

+ Xuất phát từ nhu cầu **liên kết để làm thủy lợi** phục vụ sản xuất nông nghiệp và **tập hợp lực lượng để đấu tranh chống ngoại xâm.**

+ **Chính sách của Nhà nước** Việt Nam qua các thời kì nhằm xây dựng mối quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc.

2. Vai trò của khối đại đoàn kết các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Tạo ra **môi trường hòa bình**, ổn định cho việc phát triển kinh tế, văn hóa...

- Là **nguồn sức mạnh** để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

- Góp phần hình thành lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc.

3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

- Từ khi ra đời cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm xây dựng, phát triển khối đại đoàn kết dân tộc, với nguyên tắc: "**Đoàn kết, Bình đẳng và Tương trợ nhau cùng phát triển**".

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Duyệt của BGH